

Số: KHHM-10/12h00/DBQG

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2025

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO KHÍ HẬU THỜI HẠN MÙA
TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC
(Từ tháng 11/2025-4/2026)**

1. Phân tích, đánh giá tình hình khí tượng nổi bật trong 02 tháng qua

a) Hiện tượng thời tiết nguy hiểm:

+ *Dông, lốc, sét, mưa đá*: Trên phạm vi toàn quốc xảy ra một số trận dông, lốc, sét và mưa đá (*Bảng 1-Phụ lục*).

+ *Bão và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ)*: Từ tháng 8/2025 đến nay, trên Biển Đông đã xuất hiện 07 cơn bão và 02 ATNĐ; trong đó có 05 cơn bão (bao gồm các cơn bão số 5, 6, 9, 10, 11) và 01 ATNĐ (ngày 16/8) ảnh hưởng đến Việt Nam, cụ thể như sau:

- ATNĐ: Tối ngày 16/8, vùng áp thấp phía Nam Hoàng Sa mạnh lên thành ATNĐ và di chuyển theo hướng Tây Bắc. Đến 19h ngày 18/8, ATNĐ ở phía Bắc Vịnh Bắc Bộ, sức gió cấp 6-7, giạt cấp 9, sau đó di chuyển vào Quảng Ninh-Hải Phòng lúc 01h ngày 19/8 với gió cấp 6, giạt cấp 8, rồi suy yếu thành vùng áp thấp trên khu vực biên giới Việt Nam-Trung Quốc (*Hình 1b*).

- Bão số 5 (KAJIKI): Tối ngày 22/8, một áp thấp nhiệt đới (ATNĐ) hoạt động trên khu vực phía Đông đảo Lu-Dông (Philippin) đi vào vùng biển phía Đông khu vực Bắc Biển Đông với cường độ mạnh cấp 7, giạt cấp 9 và di chuyển nhanh theo hướng Tây Tây Bắc với tốc độ khoảng 25km/h. Sáng ngày 23/8, ATNĐ trên vùng biển phía Đông khu vực Bắc Biển Đông đã mạnh lên thành bão-cơn bão số 5 (tên quốc tế là Kajiki), cường độ mạnh cấp 8, giạt cấp 10 với hướng và tốc độ di chuyển ít thay đổi. Sau khi mạnh lên thành bão, cường độ bão liên tục mạnh thêm. Đến sáng sớm ngày 24/8, cường độ bão mạnh lên cấp 12, giạt cấp 15 và di chuyển lệch về phía Nam với tốc độ chậm lại khoảng 20km/h. Chiều tối cùng ngày, khi di chuyển đến khu vực phía Tây Bắc đặc khu Hoàng Sa cường độ bão tăng lên cấp 14, giạt cấp 16 và tốc độ di chuyển chậm lại theo hướng Tây Tây Bắc với tốc độ 15-20km/h. Trưa ngày 25/8, bão di chuyển vào vùng biển ven bờ khu vực Nghệ An-Hà Tĩnh, cường độ bão giảm

xuống cấp 13, giạt cấp 15. Sau đó bão tiếp tục di chuyển chậm lại và lệch về phía Nam, cường độ bão giảm xuống cấp 11-12, giạt cấp 14. Chiều tối ngày 25/8, bão số 5 đi vào đất liền khu vực Nam Nghệ An-Bắc Hà Tĩnh, cường độ bão giảm xuống cấp 10-11, giạt cấp 13, di chuyển theo hướng Tây Tây Bắc với tốc độ khoảng 10-15km/h. Đêm 25/8, bão di chuyển đến khu vực biên giới Việt-Lào, cường độ bão giảm xuống cấp 8, giạt cấp 10, đến sáng sớm ngày 26/8 khi di chuyển sang khu vực Trung Lào bão số 5 suy yếu thành ATNĐ, sau tiếp tục suy yếu thành vùng áp thấp và tan dần (*Hình 1c*).

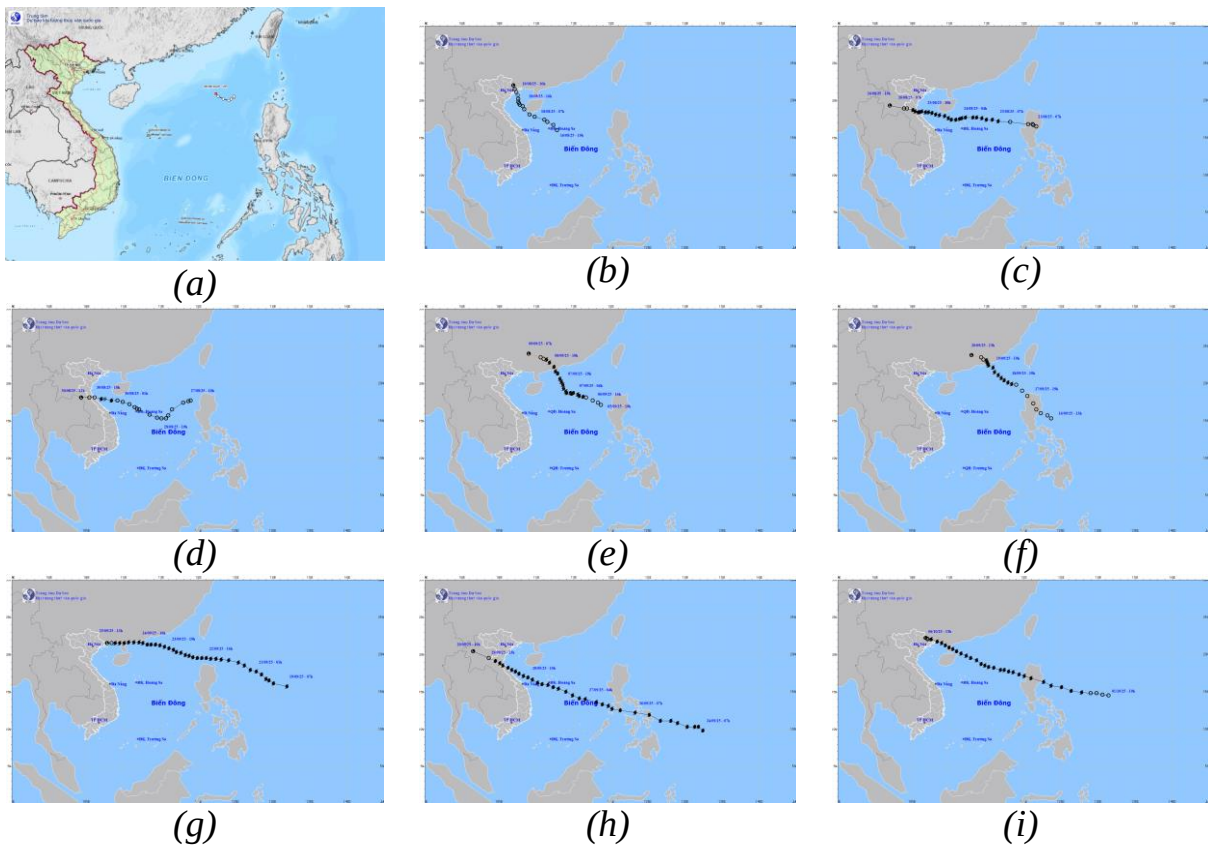
- Bão số 6 (NONGFA): Sáng ngày 27/8, một vùng áp thấp trên vùng biển phía Đông khu vực Bắc Biển Đông mạnh lên thành áp thấp nhiệt đới (ATNĐ) với cường độ mạnh cấp 6, giạt cấp 8 và di chuyển theo hướng Tây Nam với tốc độ từ 10-15km/h. Sáng ngày 28/8, ATNĐ mạnh lên cấp 7, giạt cấp 9. Từ đêm 28/8, ATNĐ chuyển hướng di chuyển, theo hướng Tây đến Tây Bắc với tốc độ nhanh hơn khoảng 20km/h. Sáng ngày 30/8, ATNĐ đã mạnh lên thành bão-con bão số 6 (tên quốc tế là NONGFA) với cường độ mạnh cấp 8, giạt cấp 10, di chuyển nhanh theo hướng Tây Tây Bắc với tốc độ 20-25km/h. Chiều cùng ngày, bão suy yếu thành ATNĐ và di chuyển vào khu vực từ Hà Tĩnh-Quảng Trị, sau đó đi sâu vào đất liền và suy yếu dần thành một vùng áp thấp trên khu vực Trung Lào và tan dần (*Hình 1d*).

-Bão số 9 (RAGASA): Tối 22/9, siêu bão RAGASA đi vào vùng biển phía Đông Bắc của khu vực Bắc Biển Đông, trở thành cơn bão số 9 trong năm 2025; sức gió mạnh nhất vùng gần tâm siêu bão mạnh cấp 17, giạt trên cấp 17, di chuyển theo hướng Tây Tây Bắc với tốc độ 20-25km/h. Sáng 24/9, sau khi đi vào khu vực biển phía Nam tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) siêu bão giảm cường độ xuống cấp 15. Sáng 25/9, sau khi đi vào vùng biển Quảng Ninh, bão số 9 đã suy yếu thành ATNĐ, sức gió mạnh nhất vùng gần tâm ATNĐ mạnh cấp 7, giạt cấp 9, di chuyển theo hướng Tây, tốc độ 15-20km/h. Do ảnh hưởng của bão số 9, ở đặc khu Bạch Long Vĩ (Hải Phòng) có gió mạnh cấp 7, giạt cấp 8, sóng cao 2,0m. Chiều 25/9, ATNĐ suy yếu thành một vùng áp thấp trên khu vực Quảng Ninh (*Hình 1g*).

-Bão số 10 (BUALOI): Tối 26/9, bão BUALOI đi vào vùng biển phía Đông của khu vực Giữa Biển Đông và trở thành cơn bão số 10 trong năm 2025; sức gió mạnh nhất vùng gần tâm bão mạnh cấp 12, giạt cấp 15, di chuyển theo hướng Tây Tây Bắc với tốc độ 30-35km/h. Đêm 28/9, bão số 10 đổ bộ vào khu

vực Hà Tĩnh-Bắc Quảng Trị, sức gió mạnh nhất vùng gần tâm bão mạnh cấp 11, giật cấp 14. Trưa 29/9, bão số 10 di chuyển sang khu vực Thượng Lào, suy yếu thành ATNĐ, sau đó thành vùng áp thấp (Hình 1h).

- Bão số 11 (MATMO): Chiều ngày 03/10, bão MATMO đi vào vùng biển phía Đông của khu vực Bắc Biển Đông và trở thành cơn bão số 11 trong năm 2025; sức gió mạnh nhất vùng gần tâm bão mạnh cấp 10, giật cấp 13, di chuyển chủ yếu theo hướng Tây Tây Bắc, tốc độ khoảng 25km/h. Sáng sớm ngày 06/10, bão đi vào đất liền khu vực Phòng Thành của tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), cường độ giảm xuống cấp 8, giật cấp 10, sau đó bão đi sâu vào đất liền và suy yếu thành áp thấp nhiệt đới, đến trưa cùng ngày suy yếu thành một vùng áp thấp trên khu vực biên giới Lạng Sơn (Việt Nam) và Trung Quốc (Hình 1i).



Hình 1: (a) và (b) Quỹ đạo của 02 ATNĐ trong tháng 8; Quỹ đạo: (c) Bão số 5 (KAJIKI), (d) Bão số 6 (NONGFA), (e) Bão số 7 (TAPAH); (f) Bão số 8 (MITAG); (g) Bão số 9 (RAGASA); (h) Bão số 10 (BUALOI); (i) Bão số 11 (MATMO)

+ **Nắng nóng (NN):**

Trong thời kỳ từ tháng 8 đến nửa đầu tháng 10/2025, tại khu vực Bắc Bộ đã xảy ra 03 đợt NN như sau: 02-05/8, 08-12/8 và đợt từ ngày 05-08/9 với nhiệt

độ cao nhất ngày phổ biến từ 35,0-38,0°C, có nơi cao hơn.

Các tỉnh từ Thanh Hóa đến Huế và Duyên hải Nam Trung Bộ cũng đã xảy ra 02 đợt NN như sau: 02-05/8 và 08-14/8, đặc biệt khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ có đợt NN diện rộng kéo dài từ ngày 29/7-14/8.

Trong các đợt NN, một số nơi đã quan trắc được giá trị nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày đạt và vượt giá trị lịch sử (GTLS) cùng thời kỳ (*Bảng 2, 3, 4-Phụ lục*).

+ Mưa lớn diện rộng:

Từ tháng 8/2025 đến nay, tại khu vực Bắc Bộ đã xảy ra 08 đợt mưa lớn diện rộng vào các ngày: 31/7-01/8, 05-07/8, 15-19/8, 24-27/8, 29/8-01/9, 09-10/9, 25/9-01/10 và 06-08/10. Trong đó, đáng lưu ý 02 đợt mưa từ 25/9-01/10 và 06-08/10. Đợt mưa ngày 25/9-01/10 do ảnh hưởng của dải hội tụ nhiệt đới sau kết hợp với hoàn lưu cơn bão số 10 nên khu vực Bắc Bộ có mưa lớn diện rộng với tổng lượng mưa (TLM) phổ biến từ 150-250mm, có nơi cao hơn; đặc biệt khu vực phía Nam Sơn La, Nam Phú Thọ, Lào Cai và Hà Nội có TLM từ 250-400mm, có nơi cao hơn trên 450mm (lượng mưa lớn nhất xảy ra vào ngày 30/9). Đợt mưa ngày 06-08/10 do ảnh hưởng do ảnh hưởng của bão số 11, sau chịu ảnh hưởng hoàn lưu của vùng áp thấp suy yếu từ cơn bão nên khu vực Đông Bắc của Bắc Bộ, phía Nam Tuyên Quang (Tuyên Quang cũ), Thái Nguyên và Hà Nội có mưa to đến rất to với lượng mưa phổ biến 150-250mm, có nơi trên 300mm, riêng khu vực Thái Nguyên, TLM 250-350mm, có nơi trên 450mm (lượng mưa lớn nhất xảy ra vào ngày 07/10); các nơi khác ở Bắc Bộ có mưa vừa, mưa to, có nơi mưa rất to với lượng mưa phổ biến 70-120mm, có nơi trên 150mm.

Các tỉnh từ Thanh Hóa đến Huế và Duyên hải Nam Trung Bộ: đã xảy ra 06 đợt mưa lớn ở các tỉnh từ Thanh Hóa-Huế (vào ngày: 15-18/8, 25-26/8, 30/8-01/9, 18-19/9, 26/9-01/10 và 06-08/10) và 02 đợt mưa lớn ở khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ (vào ngày 06-07/9 và 09-10/10). Trong đó đáng lưu ý đợt mưa lớn từ ngày 26/9-01/10, do ảnh hưởng của bão số 10, khu vực đã có mưa rất to với TLM phổ biến từ 300-450mm, trong đó, khu vực Thanh Hóa-Nghệ An và Huế có TLM từ 450-550mm, có nơi trên 600mm.

Ở phía nam, khu vực cao nguyên Trung Bộ đã xảy ra 03 đợt mưa lớn vào các ngày: 02-03/9, 06-07/9 và 22-23/9; khu vực Nam Bộ đã xuất hiện 01 đợt mưa lớn vào ngày 07-08/9.

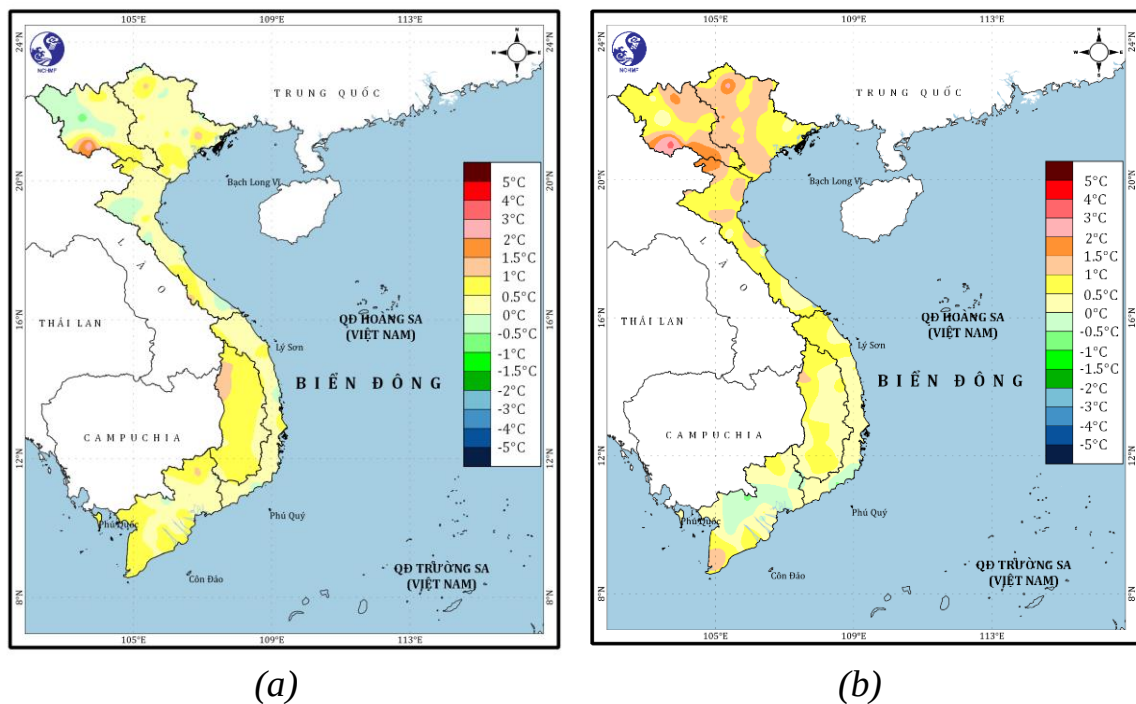
Trong các đợt mưa lớn trên, một số trạm khí tượng đã quan trắc được giá trị lượng mưa ngày và lượng mưa tháng cao nhất đạt và vượt GTLS (Bảng 5, 6, 7, 8, 9-Phụ lục).

b) Diễn biến nhiệt độ, lượng mưa

+ *Nhiệt độ trung bình (NĐTĐ)*:

Tháng 8/2025, NĐTĐ trên cả nước phổ biến cao hơn so với TBNN cùng thời kỳ từ 0,5-1,0⁰C, có nơi cao hơn (Hình 2a).

Tháng 9/2025, NĐTĐ tại khu vực Bắc Bộ và Thanh Hóa đến Quảng Ngãi cao hơn từ 0,5-1,5⁰C, có nơi cao hơn so với trung bình nhiều năm (TBNN) cùng kỳ; các khu vực còn lại phổ biến xấp xỉ so với TBNN (Hình 2b).



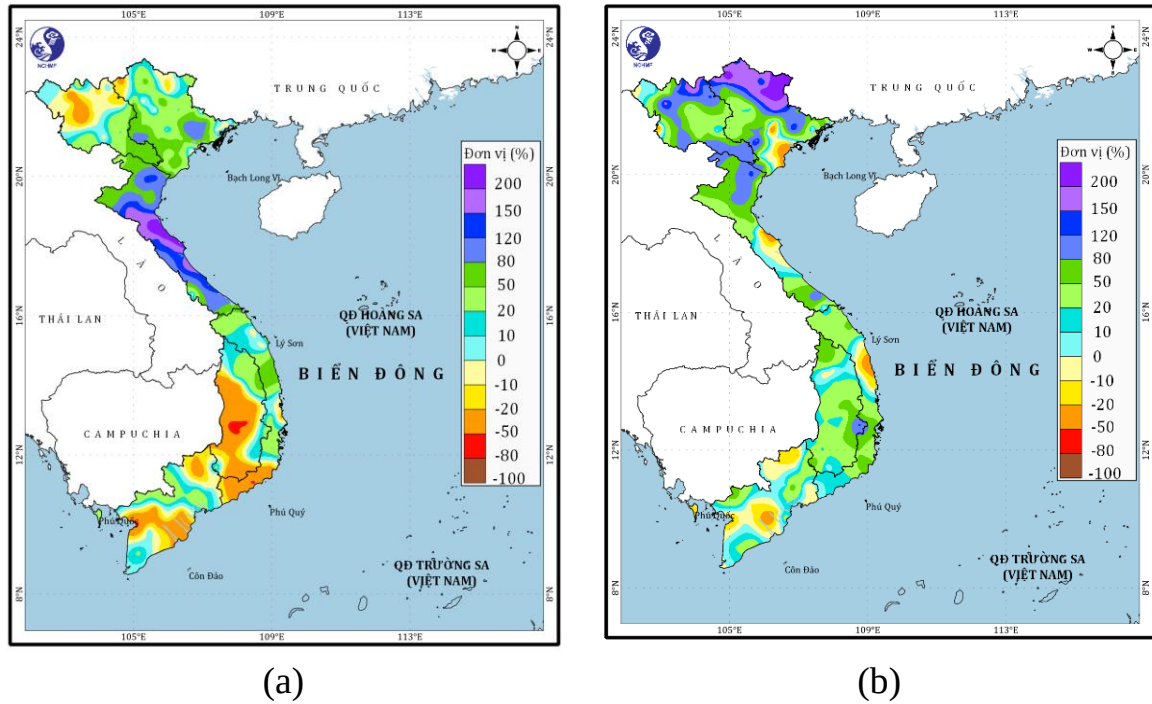
Hình 2: (a) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình (°C) tháng 8/2025; (b) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình (°C) tháng 9/2025.

Trong nửa đầu tháng 10/2025, NĐTĐ trên phạm cả nước phổ biến cao hơn từ 0,5-1,5⁰C, có nơi trên 2,5⁰C so với TBNN cùng thời kỳ.

+ *Tổng lượng mưa (TLM)*:

Tháng 8/2025, TLM tại các khu vực phổ biến cao hơn từ 30-60%, một số nơi tại khu vực Bắc Bộ và các tỉnh từ Thanh Hóa-Huế cao hơn từ 120-200%, có nơi cao hơn trên 250% so với TBNN cùng thời kỳ; riêng một số nơi ở Tây Bắc

Bộ, cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ thấp hơn từ 20-50% so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 3a).



Hình 3: (a) Tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 8/2025; (b) Tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 9/2025.

Tháng 9/2025, TLM trên cả nước phổ biến cao hơn so với TBNN từ 30-70%, một số nơi cao hơn từ 70-120%; đặc biệt, khu vực vùng núi phía Bắc cao hơn từ 120-220% so với TBNN (Hình 3b).

Trong nửa đầu tháng 10/2025, TLM tại khu vực Bắc Bộ, Thanh Hóa và phía bắc của Nghệ An phổ biến cao hơn so với TBNN từ 30-60%; riêng khu vực phía Đông Bắc Bộ phổ biến có mưa cao hơn từ 3-5 lần so với TBNN. Các khu vực khác có TLM phổ biến thấp hơn từ 30-60% so với TBNN cùng thời kỳ.

2. Dự báo khí hậu từ tháng 11/2025-01/2026

2.1 Hiện tượng ENSO

Hiện tại, điều kiện khí quyển đại dương đang trong trạng thái La Nina với chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển khu vực trung tâm Thái Bình Dương (khu vực NINO3.4) vào tháng 9/2025 ở mức $-0,5^{\circ}\text{C}$. Dự báo, trong khoảng ba tháng tới, xác suất duy trì trạng thái La Nina có khả năng đạt mức từ 60-75% và xác suất ở trạng thái trung tính trong khoảng từ 25-40%.

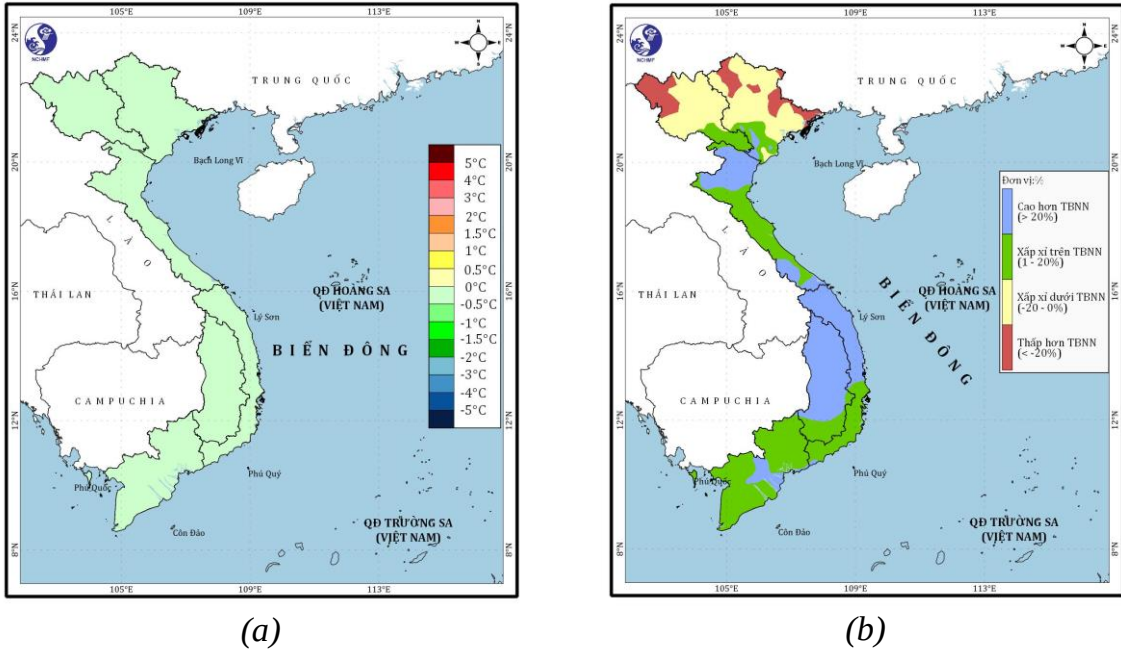
2.2. Dự báo xu thế nhiệt độ trung bình

Từ tháng 11-12/2025 NĐTB có xu hướng thấp hơn khoảng $0,5^{\circ}\text{C}$ so với TBNN cùng thời kỳ, riêng khu vực Bắc Bộ và phía nam của các tỉnh Duyên hải nam Trung Bộ tháng 12/2025 nhiệt độ xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ (Hình

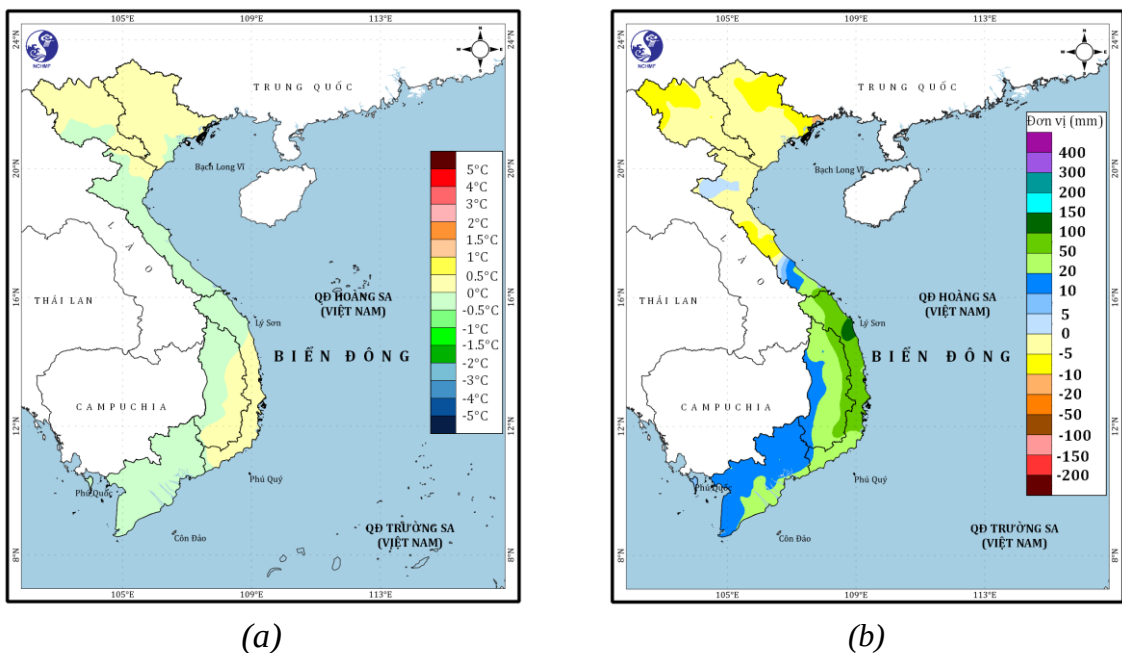
4a, 5a, 6a). Tháng 01/2026, NĐTB phổ biến xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ

2.3. Dự báo xu thế lượng mưa

Tháng 11/2025, TLM ở hầu khắp các khu vực trên cả nước phổ biến cao hơn so với TBNN từ 10-30%, có nơi cao hơn; riêng khu vực Bắc Bộ ở mức xấp xỉ TBNN, ngoại trừ khu vực vùng núi phía Bắc có xu hướng thiếu hụt khoảng 10-20% so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 4b).



Hình 4: (a) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình (°C) tháng 11/2025;
(b) Dự báo tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 11/2025.

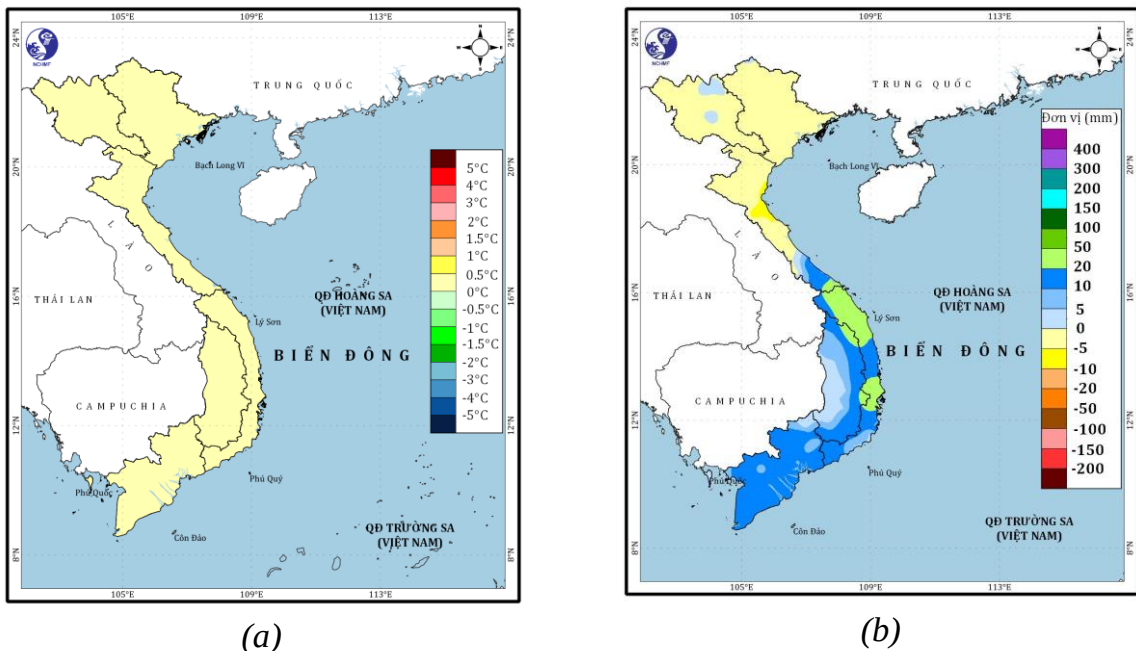


Hình 5: (a) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình (°C) tháng 12/2025;
(b) Dự báo chuẩn sai lượng mưa (mm) tháng 12/2025.

Tháng 12/2025, TLM tại các tỉnh từ Quảng Trị đến Đà Nẵng và phía

Đông khu vực từ Quảng Ngãi đến Đắc Lắc phổ biến từ 250-580mm, ở mức cao hơn từ 50-150mm so với TBNN; khu vực Bắc Bộ và các tỉnh Thanh Hóa-Hà Tĩnh phổ biến từ 15-40mm, riêng Hà Tĩnh TLM phổ biến 80-150mm, thiếu hụt từ 5-10mm so với TBNN cùng thời kỳ. Các khu vực khác TLM phổ biến từ 40-80mm, cao hơn từ 10-40mm so với TBNN cùng thời kỳ (*Hình 5b*).

Tháng 01/2026, TLM trên cả nước phổ biến xấp xỉ so với TBNN. Cụ thể: TLM tại khu vực Bắc Bộ và từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh phổ biến từ 15-35mm; Quảng Trị-Huế và Duyên hải Nam Trung Bộ TLM từ 50-150mm; TLM tại cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ TLM từ 5-30mm (*Hình 6b*).



Hình 6: (a) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) tháng 01/2026;
(b) Dự báo chuẩn sai lượng mưa (mm) tháng 01/2026.

- *Bão/ATNĐ*: Từ tháng 11/2025-01/2026, bão/ATNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và ảnh hưởng đến nước ta có khả năng ở mức cao hơn so với TBNN (TBNN trên Biển Đông: 2,9 cơn, đổ bộ vào đất liền: 1,1 cơn).

- *Dông, lốc, sét, mưa đá*: Trên phạm vi cả nước tiếp tục xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như: Đông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh.

- *Không khí lạnh (KKL) và rét đậm, rét hại*: KKL có khả năng hoạt động mạnh trong tháng 12/2025-01/2026; hiện tượng rét đậm ở Bắc Bộ có khả năng xuất hiện từ nửa cuối tháng 12/2025 (tương đương so với TBNN).

- *Mưa vừa, mưa to*: Từ tháng 11/2025 đến khoảng nửa đầu tháng 12/2025, các đợt mưa vừa, mưa to có khả năng xuất hiện ở khu vực Trung Bộ, tập trung tại khu vực từ Hà Tĩnh đến Đà Nẵng, Khánh Hòa và khu vực phía Đông các tỉnh từ Quảng Ngãi đến Đắc Lắc.

2.5. Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội

Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội: Bão, ATNĐ và KKL gây ra gió mạnh, sóng lớn ảnh hưởng đến các hoạt động của tàu thuyền. Hiện tượng mưa lớn và dông, lốc, sét, mưa đá, rét đậm, rét hại, sương muối có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất và sức khỏe cộng đồng, cây trồng, vật nuôi.

Lưu vực sông Mê Kông: Tháng 11/2025, TLM khu vực thượng lưu phổ biến thấp hơn so với TBNN từ 5-10%, khu vực trung lưu và hạ lưu cao hơn từ 10-30% so với TBNN cùng thời kỳ. Tháng 12/2025, TLM khu vực thượng lưu phổ biến thấp hơn so với TBNN từ 10-20%, khu vực trung lưu ở mức xấp xỉ TBNN, khu vực hạ lưu cao hơn từ 5-15% so với TBNN cùng kỳ. Tháng 01/2026, TLM khu vực thượng lưu và trung lưu phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN; khu vực hạ lưu TLM phổ biến cao hơn từ 5-20% so với TBNN cùng thời kỳ.

Bảng 1: Dự báo nhiệt độ trung bình, tổng lượng mưa từ tháng 11/2025-01/2026

Địa điểm dự báo (các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Tháng 11/2025		Tháng 12/2025		Tháng 01/2026	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Sơn La-Sơn La (Đài KTTV Bắc Bộ)	18,5-19,5	20-40	15,5-16,5	15-30	15,5-16,5	15-30
Lào Cai-Lào Cai (Đài KTTV Bắc Bộ)	21,5-22,5	30-60	17,5-18,5	20-40	16,5-17,5	20-40
Lạng Sơn-Lạng Sơn (Đài KTTV Bắc Bộ)	18,5-19,5	30-60	15,0-16,0	20-40	13,5-14,5	20-40
Việt Trì-Phú Thọ (Đài KTTV Bắc Bộ)	21,5-22,5	30-60	18,0-19,0	20-40	18,0-19,0	15-30
Hải Phòng-Tp. Hải Phòng (Đài KTTV Bắc Bộ)	21,5-22,5	30-60	18,0-19,0	15-30	18,0-19,0	20-40
Hà Đông-Tp. Hà Nội (Đài KTTV Bắc Bộ)	21,5-22,5	40-70	18,0-19,0	15-30	18,0-19,0	15-30
Vinh-Nghệ An (Đài KTTV Trung Bộ)	22,0-23,0	100-200	18,5-19,5	60-100	18,5-19,5	30-60
Huế-Tp. Huế (Đài KTTV Trung Bộ)	23,0-24,0	550-840	20,5-21,5	350-550	20,5-21,5	110-170
Kon Tum-Quảng Ngãi (Đài KTTV Trung Bộ)	22,5-23,5	50-100	21,5-22,5	20-40	21,5-22,5	<10
Quy Nhơn-Gia Lai (Đài KTTV Trung Bộ)	25,5-26,5	390-600	23,5-24,5	180-280	23,5-24,5	50-100

Địa điểm dự báo (các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Tháng 11/2025		Tháng 12/2025		Tháng 01/2026	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Nha Trang- Khánh Hòa (Đài KTTV Trung Bộ)	25,5-26,5	310-480	24,5-25,5	170-270	24,5-25,5	40-70
Buôn Ma Thuột- Đắk Lắk (Đài KTTV Trung Bộ)	22,5-23,5	80-130	21,0-22,0	20-50	21,0-22,0	5-15
Nhà Bè-Tp. Hồ Chí Minh (Đài KTTV Nam Bộ)	27,5-28,5	100-200	26,5-27,5	40-70	26,5-27,5	5-15
Cần Thơ-Tp. Cần Thơ (Đài KTTV Nam Bộ)	26,5-27,5	100-200	25,5-26,5	50-100	25,5-26,5	5-15

Ghi chú:

- Ttb: Giá trị nhiệt độ trung bình (đơn vị: độ C);
- R: Giá trị tổng lượng mưa (đơn vị: milimét);
- Chuẩn sai: Giá trị chênh lệch của nhiệt độ/lượng mưa so với TBNN (đơn vị: độ C/milimét);
- Tỷ chuẩn: Giá trị chênh lệch tương đối của lượng mưa so với TBNN (đơn vị: %).
- Các khu vực dự báo theo địa danh hành chính mới (Bảng 10-Phụ lục).

3. Xu thế khí hậu từ tháng 02-4/2026**3.1. Hiện tượng ENSO:**

Từ tháng 02-4/2026, ENSO có khả năng quay trở lại trạng thái trung tính với xác suất 55-65%, duy trì trạng thái La Nina với xác suất khoảng từ 25-30% và khả năng chuyển sang trạng thái El Nino với xác suất khoảng từ 5-20%.

3.2. Dự báo xu thế nhiệt độ trung bình

Từ tháng 02-4/2026, NĐTB trên phạm vi toàn quốc phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

3.3. Dự báo xu thế lượng mưa

Từ tháng 02-3/2026, TLM trên khu vực Bắc Bộ và các tỉnh từ Thanh Hóa-Huế phổ biến xấp xỉ so với TBNN; khu vực từ Đà Nẵng đến Lâm Đồng và Nam Bộ phổ biến cao hơn từ 10-30mm so với TBNN cùng kỳ. Tháng 4/2026, TLM phổ biến xấp xỉ TBNN cụ thể:

+ Khu vực Bắc Bộ: Tháng 02/2026, TLM phổ biến từ 20-40mm, có nơi cao hơn; tháng 3/2026 TLM phổ biến từ 40-70mm. TLM tháng 4/2026 phổ biến 50-100mm, riêng khu vực Tây Bắc có nơi trên 110mm

+ Khu vực Trung Bộ

- Tháng 02/2026, TLM từ Thanh Hóa đến Huế phổ biến từ 20-50mm; khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, TLM phổ biến từ 50-120mm. Tháng 3/2026 TLM phổ biến từ 30-70mm, có nơi cao hơn. Tháng 4/2026, TLM phổ biến từ 50-150mm

+ Khu vực cao nguyên Trung Bộ và khu vực Nam Bộ: Tháng 02/2026, khu vực cao nguyên Trung Bộ phổ biến ít mưa, TLM phổ biến dưới 10mm, khu vực

Nam Bộ TLM phổ biến từ 10-30mm, có nơi cao hơn; TLM tháng 3/2026 phổ biến từ 30-70mm. TLM tháng 4/2026 phổ biến từ 50-150mm.

+ *Lưu vực sông Mê Kông*: Tháng 02-4/2026, TLM khu vực thượng lưu và trung lưu phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN, riêng TLM khu vực thượng lưu phổ biến vào tháng 3/2026 thấp hơn từ 10-20% so với TBNN cùng thời kỳ. Tháng 3-4/2025, TLM khu vực hạ lưu phổ biến cao hơn từ 5-15%; tháng 02/2026, TLM phổ biến cao hơn từ 10-20% so với TBNN cùng kỳ.

3.4. Cảnh báo thời tiết nguy hiểm

- *Bão/ATNĐ*: Từ tháng 02-4/2026, ít có khả năng xuất hiện bão/ATNĐ trên khu vực Biển Đông (TBNN trên Biển Đông: 0,6 cơn).

- *Không khí lạnh và rét đậm, rét hại*: KKL tiếp tục hoạt động mạnh trong tháng 02/2026; từ tháng 3/2026 KKL suy giảm dần. Rét đậm, rét hại có khả năng xuất hiện ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

- *Nắng nóng*: Ở khu vực Nam Bộ có khả năng xuất hiện nắng nóng từ khoảng đầu tháng 3/2026 ở miền Đông Nam Bộ; sau đó từ cuối tháng 3 đầu tháng 4/2026, nắng nóng có xu hướng gia tăng cường độ và mở rộng dần sang khu vực miền Tây Nam Bộ (tương đương với TBNN). Khu vực Tây Bắc Bộ và khu vực từ Thanh Hóa đến Huế có khả năng xuất hiện nắng nóng từ khoảng tháng 4/2026.

- *Mưa diện rộng*: Từ tháng 02-3/2026, còn có khả năng xảy ra một số đợt mưa rào và dông tại khu vực Trung Bộ. Đề phòng trong mưa dông có khả năng xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như dông, lốc, sét và gió giật mạnh,

- Trong các tháng đầu năm 2026, tại khu vực Nam Bộ có khả năng xuất hiện các đợt mưa trái mùa.

- Từ khoảng cuối tháng 02/2026 đến tháng 3/2025, khu vực Bắc Bộ có khả năng xuất hiện mưa nhỏ, mưa phùn.

- *Dông, lốc, sét, mưa đá*: Trên phạm vi cả nước có khả năng xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như dông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh.

3.5. Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội

Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội: Gió mùa Đông Bắc gây ra gió mạnh, sóng lớn ảnh hưởng đến các hoạt động trên khu vực Biển Đông. Hiện tượng nắng nóng, mưa lớn và dông, lốc, sét, rét đậm, rét hại, sương muối, băng giá... có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất, sức khỏe cộng đồng, cây trồng và vật nuôi.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thời tiết, khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp với nhiều hình thái nguy hiểm, cực đoan như mưa lớn trong thời gian ngắn, lũ quét, sạt lở đất... Do đó, đề nghị thường xuyên cập nhật và tích hợp thông tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong các bản tin ngắn hạn 1-3 ngày, để kịp thời điều chỉnh các kế hoạch sản xuất, phương án ứng phó phù hợp,

đặc biệt là phương án vận hành hồ chứa phù hợp, bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du, cùng với đó đảm bảo an toàn cho các hoạt động sản xuất và dân sinh.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15/11/2025.

Tin phát lúc: 15/10/2025./.

Soát tin: Trần Ngọc Vân

**TUQ. GIÁM ĐỐC
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG DỰ BÁO KHÍ HẬU**



Nguyễn Đức Hòa

PHỤ LỤC

Bảng 1. Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm ở quy mô nhỏ từ tháng 8/2025-nửa đầu tháng 10/2025

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Dông, lốc	Nghệ An (xã Hữu Khuông, Quế Phong, Mường Quàng)	06/8/2025
Dông lốc	Thôn Bình Hải, Đầm Hà, Quảng Ninh	Tối 17/8/2025
Dông lốc	tỉnh Cao Bằng	Tối 18/8/2025
Dông lốc	Xã Quảng Tín, Lâm Đồng	20/8/2025
Dông lốc	Các tỉnh Bắc Bộ, Trung Bộ	26/8/2025
Dông, lốc	Xã Quỳ Nhất, Hải Thịnh, Hải Anh, Khánh Nhạc, Khánh Hội, Yên Khánh, Chát Bình- tỉnh Ninh Bình	29/9/2025
Dông, lốc, sét	Điện Biên	06/10/2025

Bảng 2: Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày đạt và vượt GTLS trong tháng 8

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 8	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Mỹ Tho (Đồng Tháp)	35,3	2024	35,6	02/8/2025
2	Cò Nòi (Sơn La)	34,8	2019	35,5	03/8/2025
3	Hòa Bình (Phú Thọ)	39,1	2021	39,7	03/8/2025
4	Bạch Long Vĩ (Tp. Hải Phòng)	35,0	1990,2021, 2022,2024	35,2	03/8/2025
5	Phước Long (Đồng Nai)	35,0	2024	35,0	03/8/2025
6	Biên Hòa (Đồng Nai)	36,5	2021	36,7	03/8/2025
7	Chi Nê (Phú Thọ)	39,3	2024	39,8	04/8/2025
8	Tuyên Quang	38,2	1990,2021	38,3	04/8/2025
9	Phú Hộ (Phú Thọ)	38,6	1990	38,8	04/8/2025
10	Vĩnh Yên (Phú Thọ)	39,0	2021	39,2	04/8/2025
11	Thất Khê (Lạng Sơn)	38,7	2016	38,7	04/8/2025
12	Hữu Lũng (Lạng Sơn)	37,9	1992	38,0	04/8/2025
13	Uông Bí (Quảng Ninh)	37,3	2021	37,8	04/8/2025
14	Hiệp Hòa (Bắc Ninh)	38,2	2021	39,0	04/8/2025
15	Lục Ngạn (Bắc Ninh)	38,4	2019	39,2	04/8/2025
16	Sơn Động (Bắc Ninh)	38,4	2021	39,2	04/8/2025

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 8	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
17	Ba Vì (Tp. Hà Nội)	39,0	2021,2024	39,5	04/8/2025
18	Sơn Tây (Tp. Hà Nội)	39,1	2021	39,8	04/8/2025
19	Láng (Tp. Hà Nội)	39,5	2021	40,3	04/8/2025
20	Hoài Đức (Tp. Hà Nội)	38,8	2019	39,0	04/8/2025
21	Hà Đông (Tp. Hà Nội)	39,6	2021	39,6	04/8/2025
22	Chí Linh (Tp. Hải Phòng)	38,6	2021	38,6	04/8/2025
23	Hải Dương (Tp. Hải Phòng)	38,5	2021	38,8	04/8/2025
24	Nam Định (Ninh Bình)	39,0	2024	39,5	04/8/2025
25	Phủ Lý (Ninh Bình)	38,5	2024	40,2	04/8/2025
26	Nho Quan (Ninh Bình)	39,3	2024	39,3	04/8/2025
27	Ninh Bình	39,1	2024	39,5	04/8/2025
28	Thái Bình (Hưng Yên)	38,0	2024	38,0	04/8/2025
29	Thanh Hóa	38,5	2024	38,5	04/8/2025
30	Đắk Mil (Lâm Đồng)	31,1	2024	31,6	04/8/2025
31	Đồng Phú (Đồng Nai)	35,7	2020	35,7	04/8/2025
32	Tây Ninh (Tây Ninh)	36,0	2024	36,0	04/8/2025
33	Trị An (Đồng Nai)	35,3	2023	35,4	04/8/2025
34	Vĩnh Long (Vĩnh Long)	35,3	2024	35,3	04/8/2025
35	Lắc (Đắk Lắk)	34,5	2014	34,6	05/8/2025
36	Trường Sa (Khánh Hòa)	33,9	2010,2024	34,2	07/8/2025
37	Sông Mã (Sơn La)	37,6	1973	37,6	12/8/2025

Bảng 3: Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày tháng 9/2025 đạt và vượt GTLS

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 9	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Than Uyên (Lai Châu)	36,2	2008	36,2	03/9/2025
Sông Mã (Sơn La)	37,2	2008,2021	38,5	16/9/2025
Cò Nòi (Sơn La)	34,6	2021	35,0	08/9/2025
Phù Yên (Sơn La)	37,0	2024	37,0	08/9/2025
Hòa Bình (Phú Thọ)	37,7	2015	38,1	08/9/2025
Tuyên Quang	37,6	2024	37,6	08/9/2025
Hàm Yên (Tuyên Quang)	38,0	2024	38,3	08/9/2025
Sơn Tây (TP Hà Nội)	37,5	2018,2024	37,6	08/9/2025

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 9	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Láng (TP Hà Nội)	37,1	2019	38,2	08/9/2025
Thái Bình (Hưng Yên)	35,8	2009,2016	36,0	07/9/2025

Bảng 4: Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày trong thời kỳ từ 01-15/10/2025 đạt và vượt GTLS

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 10	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Hồi Xuân (Thanh Hóa)	36,7	2003	37,6	02/10/2025
Sông Mã (Sơn La)	37,1	2023	38,8	03/10/2025
Côn Đảo (TP Hồ Chí Minh)	33,0	2023,2024	33,2	04/10/2025
Cò Nòi (Sơn La)	33,4	2019	34,0	05/10/2025
Mù Cang Chải (Lào Cai)	31,0	2005	31,3	05/10/2025
Hà Giang (Tuyên Quang)	35,4	2021	35,5	05/10/2025
Đồng Văn (Tuyên Quang)	29,1	2021	29,1	05/10/2025
Chợ Rã (Thái Nguyên)	36,0	2021	36,0	05/10/2025
Bắc Kạn (Thái Nguyên)	34,9	2023	35,2	05/10/2025
Thái Nguyên	35,0	2021	35,3	05/10/2025
Nguyên Bình (Cao Bằng)	33,1	2002	33,4	05/10/2025
Hiệp Hòa (Bắc Ninh)	35,5	2023	36,2	05/10/2025
Hà Đông (TP Hà Nội)	35,5	2023	35,7	05/10/2025
Nam Định (Ninh Bình)	35,5	2023	35,5	05/10/2025
Thanh Hóa	34,5	1969	34,7	05/10/2025
Tĩnh Gia (Thanh Hóa)	34,6	1976	35,1	05/10/2025
Đô Lương (Nghệ An)	36,6	1968	36,9	05/10/2025
Hương Sơn (Hà Tĩnh)	35,4	2015	37,0	05/10/2025
Hòn Ngự (Nghệ An)	32,3	2023	32,9	06/10/2025
Hoành Sơn (Hà Tĩnh)	32,7	2023	32,9	06/10/2025
Quảng Ngãi	35,6	2024	35,8	06/10/2025
Hoài Nhơn (Gia Lai)	34,9	1981	35,7	06/10/2025
Cam Ranh (Khánh Hòa)	35,5	2021	36,0	06/10/2025

Bảng 5: Lượng mưa ngày (mm) trong tháng 8/2025 vượt GTLS tháng 8

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa ngày cao nhất lịch sử đã ghi nhận trong tháng 8	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Bắc Mê (Tuyên Quang)	105,5	1982	158,1	21/8/2025
2	Vũng Tàu (Tp. Hồ Chí Minh)	110,7	2024	139,5	21/8/2025
3	Hoàng Sa (Đà Nẵng)	77,0	2020	267,5	24/8/2025
4	Bái Thượng (Thanh Hóa)	261,7	2019	338,0	25/8/2025
5	Lạc Sơn (Phú Thọ)	171,9	1991	251,0	26/8/2025
6	Minh Đài (Phú Thọ)	238,9	1976	272,9	26/8/2025
7	Phú Hộ (Phú Thọ)	204,0	1976	214,8	26/8/2025
8	Ba Vì (Hà Nội)	258,7	1978	299,8	26/8/2025
9	Láng (Hà Nội)	205,7	1972	234,8	26/8/2025
10	Hoài Đức (Hà Nội)	196,5	2006	238,8	26/8/2025
11	Hà Đông (Hà Nội)	193,3	1994	249,7	26/8/2025
12	Cúc Phương (Ninh Bình)	175,4	2016	222,0	26/8/2025
13	Hồi Xuân (Thanh Hóa)	226,0	1995	232,0	26/8/2025

Bảng 6: Tổng lượng mưa tháng (mm) vượt GTLS trong tháng 8/2025

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Giá trị tổng lượng mưa tháng 8 cao nhất lịch sử đã ghi nhận (mm)	Năm xuất hiện	TLM tháng 8/2025 (mm)
1	Minh Đài (Phú Thọ)	565,4	1975	588,3
2	Lục Ngạn (Bắc Ninh)	511,7	1975	517,1
3	Sơn Động (Bắc Ninh)	678,0	1995	678,6
4	Ba Vì (Hà Nội)	631,3	2020	656,5
5	Cúc Phương (Ninh Bình)	586,4	2010	639,2
6	Yên Định (Thanh Hóa)	613,5	1975	638,6
7	Sầm Sơn (Thanh Hóa)	576,7	2010	619,7
8	Quỳ Hợp (Nghệ An)	508,8	1970	602,8
9	Hòn Ngur (Nghệ An)	724,4	2010	750,1

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Giá trị tổng lượng mưa tháng 8 cao nhất lịch sử đã ghi nhận (mm)	Năm xuất hiện	TLM tháng 8/2025 (mm)
10	Vinh (Nghệ An)	866,6	2010	923,3
11	Hương Sơn (Hà Tĩnh)	540,3	2006	717,0
12	Hà Tĩnh (Hà Tĩnh)	691,4	2010	801,8
13	Hoành Sơn (Hà Tĩnh)	388,4	2016	735,7
14	Đồng Hới (Quảng Trị)	434,3	1987	480,6
15	Hoàng Sa (Đà Nẵng)	147,2	2020	371,4

Bảng 7: Lượng mưa ngày (mm) cao nhất trong tháng 9/2025 vượt GTLS

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 9	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Mộc Châu (Sơn La)	187,6	2024	239,5	29/9/2025
Mai Châu (Phú Thọ)	234,1	2008	275,1	29/9/2025
Lạc Sơn (Phú Thọ)	217,3	2000	252,3	29/9/2025
Vĩnh Yên (Phú Thọ)	153,8	1975	181,7	30/9/2025
Láng (Hà Nội)	185	1978	295,7	30/9/2025
Cúc Phương (Ninh Bình)	211,7	2012	252,3	29/9/2025
Quỳ Hợp (Nghệ An)	202,7	1982	278,4	29/9/2025

Bảng 8: Tổng lượng mưa tháng 9/2025 (mm) vượt GTLS

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Tổng lượng mưa cao nhất tháng 9	Năm xuất hiện GTLS	Tổng lượng mưa tháng vượt GTLS
Mường Lay (Điện Biên)	344,2	2010	380,8
Lào Cai	412,1	2024	697,0
Hà Giang (Tuyên Quang)	638,0	2020	699,0
Bắc Mê (Tuyên Quang)	376,3	2024	431,2
Đồng Văn (Tuyên Quang)	429,4	2024	458,6
Ngân Sơn (Thái Nguyên)	413,5	2024	535,8
Cao Bằng	332,1	2007	453,8
Trùng Khánh (Cao Bằng)	459,7	1982	483,9

Bảng 9: Lượng mưa ngày (mm) cao nhất trong thời kỳ từ 01-15/10/2025 vượt GTLS

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 10	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Hà Giang (Tuyên Quang)	144,0	1974	177,8	01/10/2025
Đồng Văn (Tuyên Quang)	53,8	2017	77,6	07/10/2025
Tuyên Quang	163,1	2001	226,7	07/10/2025
Ngân Sơn (Thái Nguyên)	110,0	2000	217,3	07/10/2025
Bắc Kạn (Thái Nguyên)	106,4	1964	201,2	07/10/2025
Thái Nguyên	201,9	1978	491,3	07/10/2025
Định Hóa (Thái Nguyên)	231,3	1978	245,8	07/10/2025
Cao Bằng	79,3	1978	122,3	07/10/2025
Nguyên Bình (Cao Bằng)	174,5	2000	207,0	07/10/2025
Bắc Sơn (Lạng Sơn)	99,6	1987	179,2	07/10/2025
Hữu Lũng (Lạng Sơn)	109,5	1990	148,9	07/10/2025
Hiệp Hòa (Bắc Ninh)	205,5	1987	246,8	07/10/2025
Bắc Giang (Bắc Ninh)	120,0	2016	365,4	07/10/2025

Bảng 10: Các khu vực dự báo theo địa danh hành chính mới

STT	Khu vực	Gồm các tỉnh
1	Khu vực Tây Bắc Bộ	Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, khu vực phía Nam của tỉnh Phú Thọ (là tỉnh Hòa Bình cũ).
2	Khu vực Đông Bắc Bộ	Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Tp. Hải Phòng, Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, Hà Nội; khu vực phía Bắc của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ cũ).
3	Khu vực Thanh Hóa-Huế	Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Tp. Huế.
4	Khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ	Tp. Đà Nẵng, Khánh Hòa và ven biển các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng.
5	Khu vực Cao nguyên Trung Bộ	Phía Tây các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng.
6	Khu vực Nam Bộ	Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Tp. Cần Thơ, An Giang, Cà Mau.